

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26-8-2024  
“V/v Ly hôn giữa bà Q và ông Q1”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thom

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Danh Thị Nà Q**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp , xã Đ , huyện A , tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ x, khu phố n, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt)

2. Bị đơn: **Ông Danh Q1**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã, huyện An B, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Danh Thị Nà Q trình bày như sau:

Bà Danh Thị Nà Q (gọi tắt là bà Q) và ông Danh Q1 (gọi tắt là ông Q1) chung sống với nhau vào năm 2004 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/01/2007 theo quy định.

Sau khi kết hôn được khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q1 không chí thú làm ăn để lo xây dựng gia đình, không có ý thức cầu tiến mà để mặc cho bà Q một mình nuôi con và trang trải cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ năm 2021 bà Q và ông Q1 đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q1.

Về con chung: Bà Q xác định vợ chồng có hai người con chung tên Danh Bích L, sinh ngày 19/11/2007 và Danh Thị Bích T, sinh ngày 17/10/2009 hiện con chung đang sống với bà Q. Khi ly hôn bà Q có nguyện vọng được nuôi các con chung, không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Danh Q1 vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Danh Thị Nà Q.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Danh Bích L và cháu Danh Thị Bích T có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm có Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn ông Danh Q1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Q ly hôn với ông Q1; về con chung giao cháu Danh Bích L, sinh ngày 19/11/2007 và Danh Thị Bích T, sinh ngày 17/10/2009 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của bà Q không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa ông Danh Q1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Danh Q1.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Bà Q yêu cầu ly hôn với ông Q1 và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Q và ông Q1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của bà Q và ông Q1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông Q1 không có ý thức cầu tiến phó mặc cho vợ bươn trải một mình nuôi con và trang trải sinh hoạt gia đình từ đó đời sống hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc. Hiện tại bà Q và ông Q1 đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ

đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Q giải quyết cho bà Q ly hôn với ông Q1.

Về con chung: Bà Q và ông Q1 chung sống có hai người con chung cháu Danh Bích L1, sinh ngày 19/11/2007 và Danh Thị Bích T, sinh ngày 17/10/2009, từ khi ông bà ly thân đến nay con chung sống với bà Q có cuộc sống ổn định, các con chung có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại bà Q có việc làm và có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Danh Bích L và cháu Danh Thị Bích T cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ông bà ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Q không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà Q xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Q là nguyên đơn có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Nà Q.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Danh Thị Nà Q và ông Danh Q1.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Bích L, sinh ngày 19/11/2007 và cháu Danh Thị Bích T, sinh ngày 17/10/2009 cho bà Danh Thị Nà Q tiếp tục nuôi dưỡng sau khi bà Danh Thị Nà Q và ông Danh Q1 ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Danh Thị Nà Q không yêu cầu ông Danh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Danh Thị Nà Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Bà Danh Thị Nà Q xác định không có, không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Danh Thị Nà Q có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003245 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Danh Thị Nà Q đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 26/8/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái;
- Lưu, HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đinh Thị Thơm**